

Số: 13/2025/QĐST-HNGĐ

TP. Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 259/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Mai Duy K**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 139, khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn*: Chị **Hoàng Mai A**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 52, tổ dân phố 09, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Duy K và chị Hoàng Mai A.

(Anh Mai Duy K và chị Hoàng Mai A, có đăng ký kết hôn số 31 ngày 23/10/2006 tại UBND xã An Tường, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, theo Trích lục kết hôn số 63/TLKH-BS do UBND phường A, thành phố T cấp ngày 26/3/2021)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao hai con chung Mai Hoàng Khánh D, sinh ngày 01/7/2008 và Mai Hoàng B, sinh ngày 18/6/2020 cho chị Hoàng Mai A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Anh Mai Duy K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do hiện tại chị Hoàng Mai A không yêu cầu, anh Mai Duy K có quyền thăm con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Mai Duy K và chị Hoàng Mai A đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Mai Duy K và chị Hoàng Mai A đều xác định không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Mai Duy K tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000227, ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho anh Mai Duy K số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Hoàng Mai A không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường A, tp Tuyên Quang (nơi đăng ký KH);
- UBND thị trấn T
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan